

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 17 - 21/03/2025

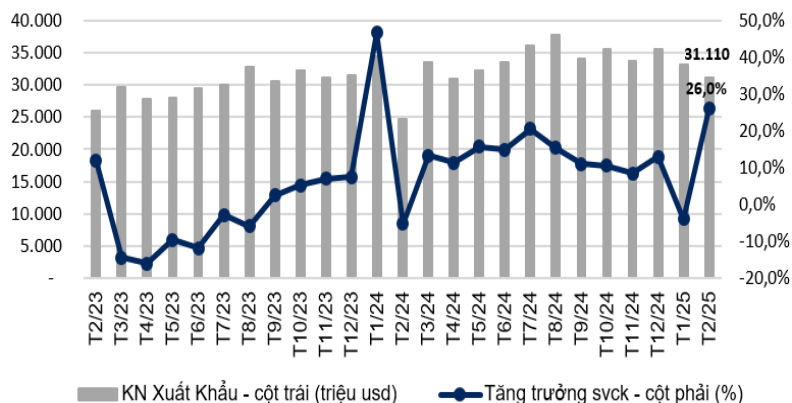


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua



Việt Nam: Xuất nhập khẩu tăng trưởng trở lại trong tháng 2

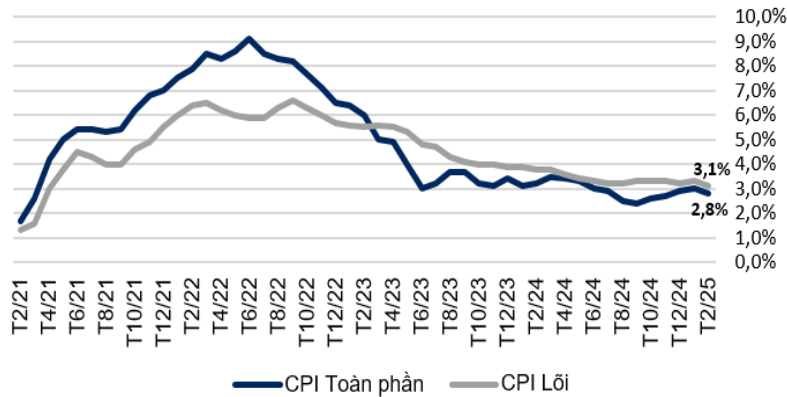
Số liệu xuất khẩu của VN



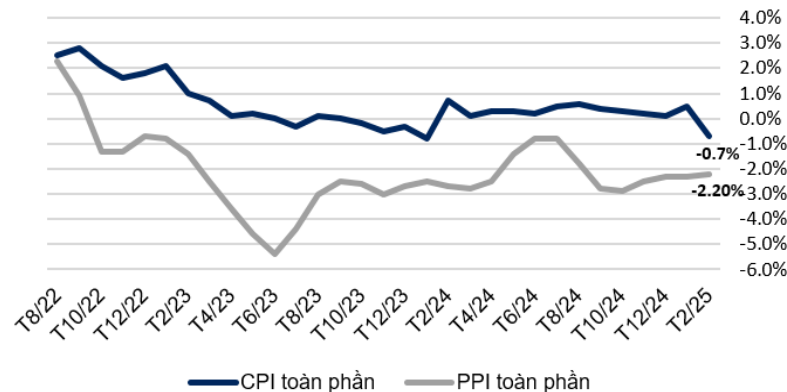
- Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam tăng trưởng trở lại trong T2/25 với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 63,77 tỷ usd tăng 12% yoy.
 - UBCKNN tiếp tục triển khai nhiều nhóm nội dung để đạt được 2 mục tiêu: nâng hạng thị trường và đưa hệ thống KRX vận hành trong trong năm 2025.
- Theo số liệu từ Tổng cục Hải Quan, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng trở lại trong T2/25 với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 63,77 tỷ usd, tăng 0,8% mom và tăng 12% yoy. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu trong T2/25 đạt 31,11 tỷ usd tăng 42,9% yoy, lũy kế 2 tháng đầu năm 2025 kim ngạch xuất khẩu đạt 64,27 tỷ usd tăng 8,4% yoy. Kim ngạch nhập khẩu trong T2/25 đạt 32,66 tỷ usd tăng 40,2% yoy, lũy kế 2 tháng đầu năm 2025 kim ngạch nhập khẩu đạt 62,8 tỷ usd, tăng 15,9% yoy. Cán cân thương mại trong 2 tháng đầu năm 2025 thặng dư 1,47 tỷ usd. Như vậy chỉ sau T1/25 sụt giảm do ảnh hưởng của kỳ nghỉ tết Nguyên đán, hoạt động xuất nhập khẩu đã có sự tăng trưởng mạnh trở lại trong T2/25 và kéo tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong 2 tháng đầu năm 2025 tăng trưởng dương trở lại.
- Chiều 14/3/2025, tại Hội nghị Thành viên 2025 của Sở giao dịch Chứng Khoan Việt Nam, lãnh đạo của UBCKNN đã đề cập tới 2 mục tiêu quan trọng của thị trường trong năm 2025 là nâng hạng và vận hành hệ thống KRX. Đối với mục tiêu nâng hạng, lãnh đạo cho biết, hiện thị trường Việt Nam cơ bản đã đạt được các tiêu chí nâng hạng của FTSE Russell đưa ra. Tuy nhiên, để được nâng hạng, không chỉ đáp ứng các tiêu chí mà đó là sự đánh giá khách quan của các tổ chức nâng hạng thông qua trải nghiệm khách hàng của họ. Mặc dù cơ bản đã đảm bảo các tiêu chí nâng hạng của FTSE nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm. Mới đây, UBCKNN đã tiếp tục ban hành 9 nhóm nội dung cần triển khai để hướng tới mục tiêu nâng hạng. Về hệ thống KRX đại diện UBCKNN cho biết hiện đang bước vào đợt test cuối cùng và dự kiến thời gian chuyển đổi dữ liệu sẽ vào đợt 30/4 - 1/5.

Thế Giới: Mỹ CPI hạ nhiệt trở lại, Trung Quốc vẫn đối mặt với nguy cơ giảm phát

Chỉ số CPI của Mỹ



Chỉ số CPI và PPI của Trung Quốc



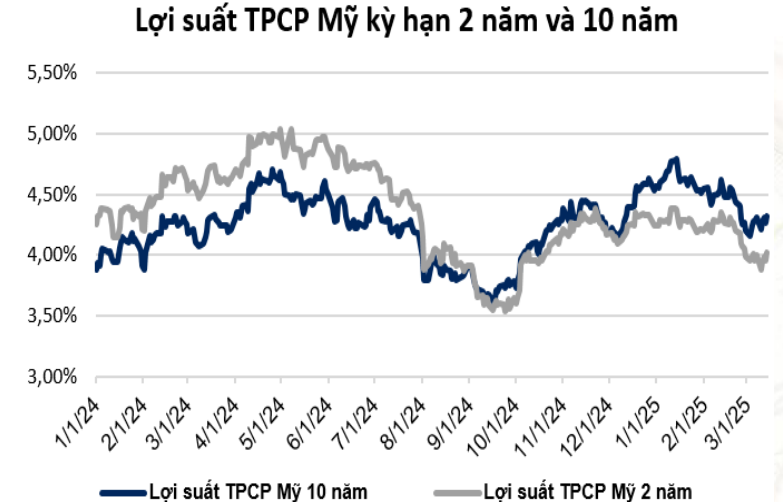
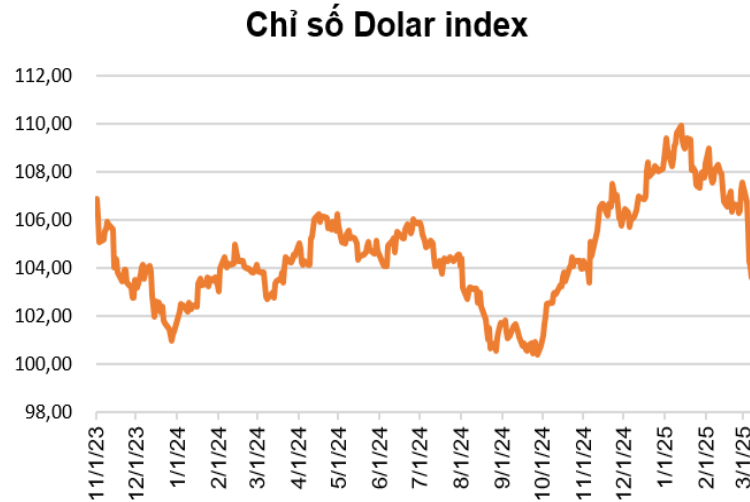
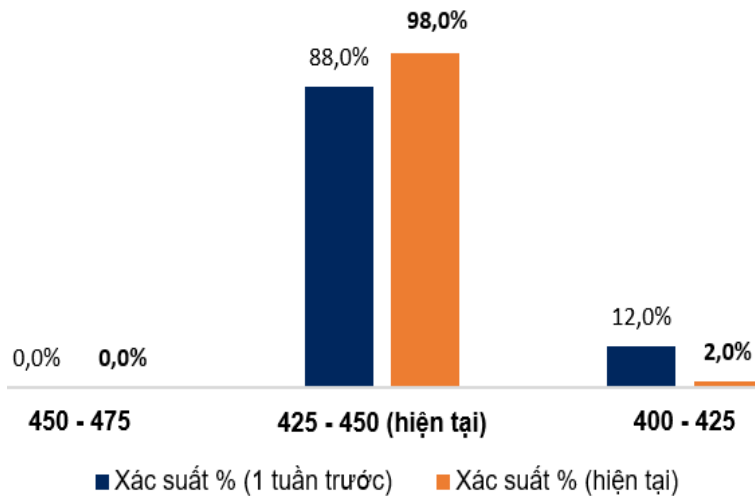
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần và CPI lõi T2/25 của Mỹ tăng lần lượt 2,8% yoy và 3,1% yoy, hạ nhiệt so với mức tăng 3% yoy và 3,1% yoy của T1/25.
 - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) T2/25 của Trung Quốc rơi vào vùng âm kể từ T1/24 với mức giảm 0,7% yoy.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần và CPI lõi T2/2025 của Mỹ cùng hạ nhiệt trở lại, trong đó CPI toàn phần tăng 0,2% mom và tăng 2,8% yoy, thấp hơn so với dự báo tăng 0,3% mom và 2,9% yoy của các chuyên gia và hạ nhiệt so với mức tăng 3% yoy của T1/2025. Trong khi CPI lõi tăng 0,2% mom và tăng 3,1% yoy, thấp hơn so với dự báo tăng 0,3% mom và 3,2% yoy của các chuyên gia và cũng hạ nhiệt so với mức tăng 3,3% yoy của T1/2025. Trong T2/25 nhóm năng lượng và nhóm thực phẩm có cùng mức tăng 0,2% mom, trong khi nhóm nhà ở tăng 0,3% mom. Chỉ số giá sản xuất (PPI) của Mỹ cũng hạ nhiệt trong T2/25 khi PPI toàn phần đi ngang so với tháng trước và tăng 3,2% yoy, hạ nhiệt so với mức tăng 3,7% yoy của T1/25. PPI lõi T2/25 tăng 3,4% yoy hạ nhiệt so với mức tăng 3,8% yoy của T1/25.
- Theo số liệu của Cục Thống Kê Quốc Gia Trung Quốc, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) T2/25 của nước này giảm 0,2% mom và giảm 0,7% yoy, thấp hơn so với mức dự báo giảm 0,1% mom và giảm 0,4% yoy của các chuyên gia. Đây là tháng đầu tiên kể từ T1/24 CPI của Trung Quốc rơi vào vùng âm. Chỉ số giá sản xuất (PPI) T2/25 của Trung Quốc cũng duy trì đà giảm với mức giảm 2,2% yoy. Một yếu tố chính khiến lạm phát T2/25 của Trung Quốc giảm và rơi vào cùng âm là do mức giá cơ sở của T2/24 cao (do dịp tết Nguyên đán năm 2024 rơi vào tháng 2). Tuy nhiên mức giảm của CPI trong T2/25 cũng cho thấy nền kinh tế Trung Quốc vẫn còn đối mặt với nguy cơ giảm phát trong bối cảnh nhu cầu trong nước vẫn yếu.

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp T3/2025

98% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành và 2% dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 3.2025.

DXY đóng cửa ở mức 103,74 điểm, tăng 0,12% wow và giảm 4,38% so với đầu năm 2025 (ytd).

Lãi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 4,02% tăng 2 bps wow và giảm 22 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 4,32% tăng 2 bps wow và giảm 25 bps ytd



Sau một nhịp giảm khá mạnh về vùng thấp trong vòng 5 tháng qua, chỉ số Dolar Index và lãi suất TPCP Mỹ có sự biến động nhẹ và vẫn duy trì ở vùng thấp trong tuần qua (cuộc họp tháng 3/2025 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 19/03/25 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 17/03/2025	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 2.2025
Thứ Tư 19/03/2025	Mỹ	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 3.2025
Thứ Năm 20/03/2025	Việt Nam	Đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 3.2025

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế	- Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. - Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024	- Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. - Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. - Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. - Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

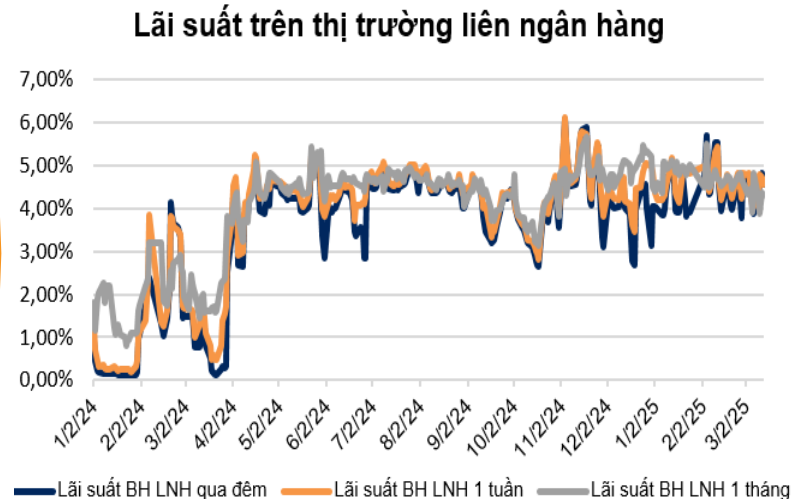
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

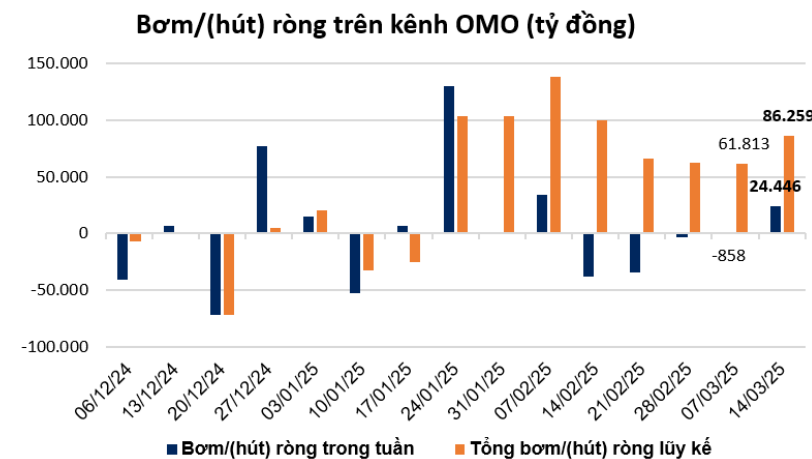


3.1 Thị trường tiền tệ VN: NHNN bơm ròng trở lại trên kênh OMO

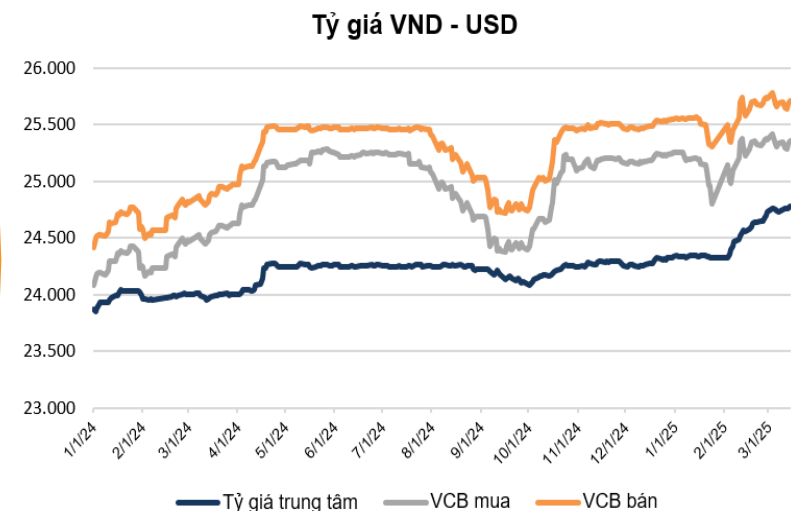
Lãi suất LNH nhích tăng. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 4,57% (+ 59 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 4,56% (+ 54 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,29% (+ 39 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 13/03/2025)



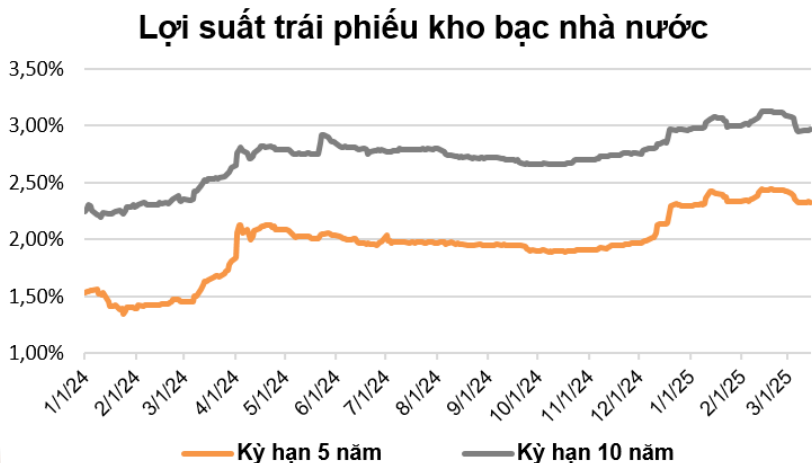
NHNN bơm ròng trở lại trên kênh OMO. Kết tuần NHNN bơm ròng 24.446 tỷ đồng. Hiện tổng giá trị bơm ròng lũy kế là 86.259 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND tăng trở lại. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 25.350 đ và 25.710 đ tăng 0,08% wow và tăng 0,62% tính từ đầu năm 2025 (theo giá bán) (ytd). Tỷ giá trung tâm hiện là 24.779 đ, tăng 0,2% wow và tăng 1,82% ytd

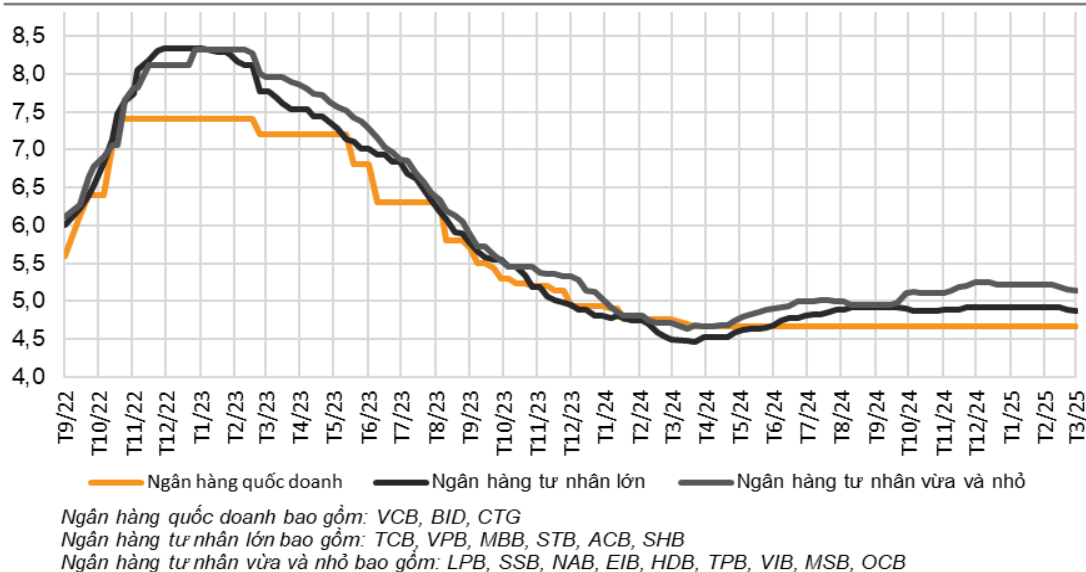


Lợi suất TP KBNN tăng nhẹ, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 2,97%, tăng 2 bps wow và đi ngang kể từ đầu năm 2025 (ytd), lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 2,32% đi ngang so với tuần trước và tăng 3 bps ytd.

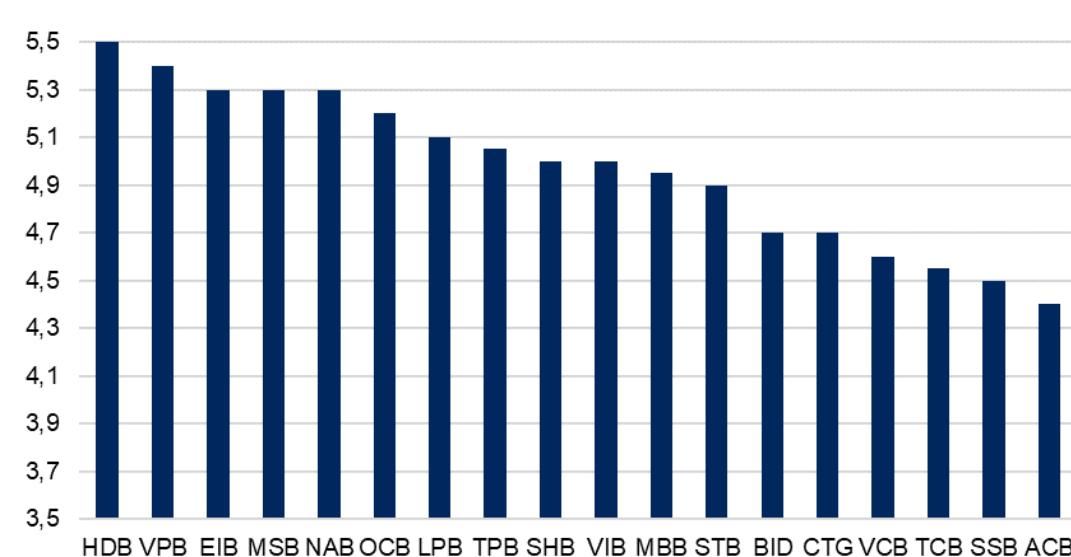


NTHM tư nhân tiếp tục giảm lãi suất huy động, CTG và BID giảm lãi suất tại kỳ hạn ngắn

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng



Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

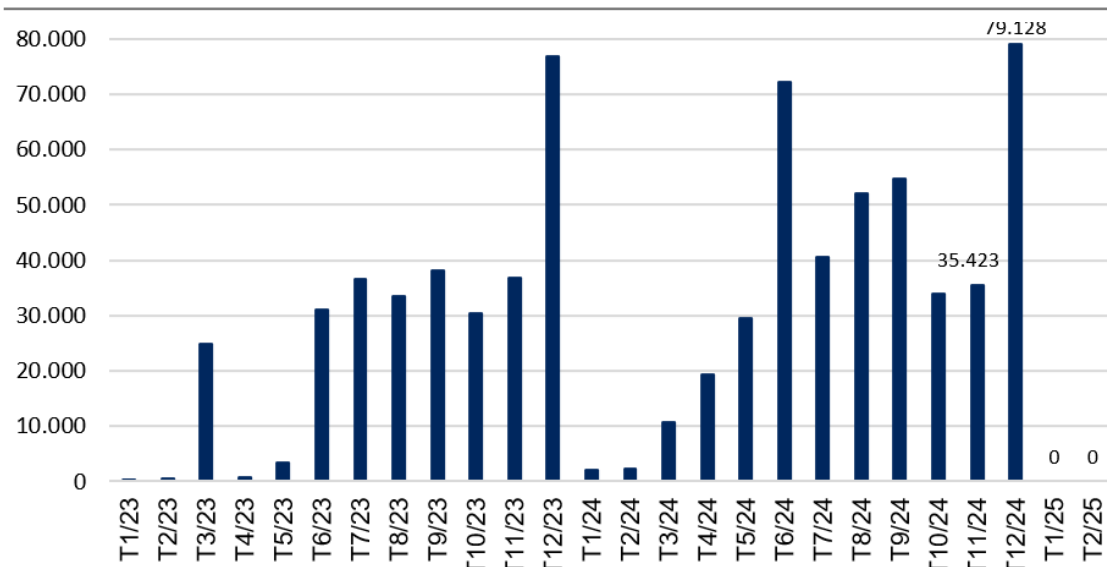


- Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NH quốc doanh giữ nguyên tại 4,67%/năm. Tuy nhiên, bình quân lãi suất kỳ hạn 12 tháng của các NH tư nhân lớn đã giảm 0,02 điểm % xuống 4,87% và nhóm NH tư nhân nhỏ giảm 0,01 điểm % xuống 5,14%.
- Trong tuần từ 06/03 – 14/03/2025, TCB và EIB giảm 0,1 điểm % lãi suất kỳ hạn 12 tháng. CTG, BID, TCB đều giảm 0,1 điểm % lãi suất kỳ hạn 3 tháng. TCB cũng giảm 0,1 điểm % lãi suất tại kỳ hạn 6 tháng.

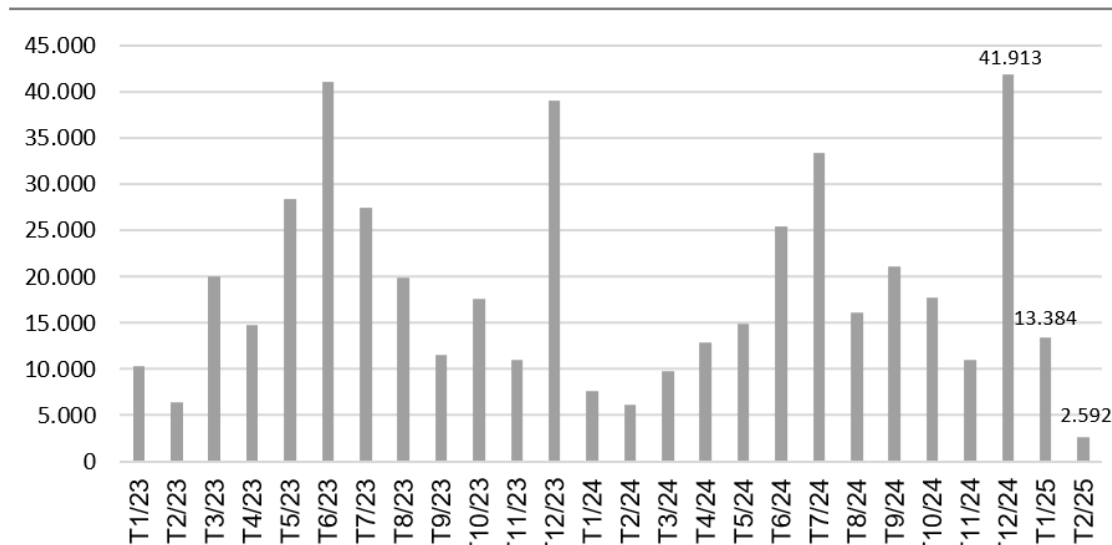
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) trầm lắng trong 2 tháng đầu năm 2025

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 01/03/25



Tổng giá TPDN riêng lẻ mua lại trước hạn theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 01/03/25

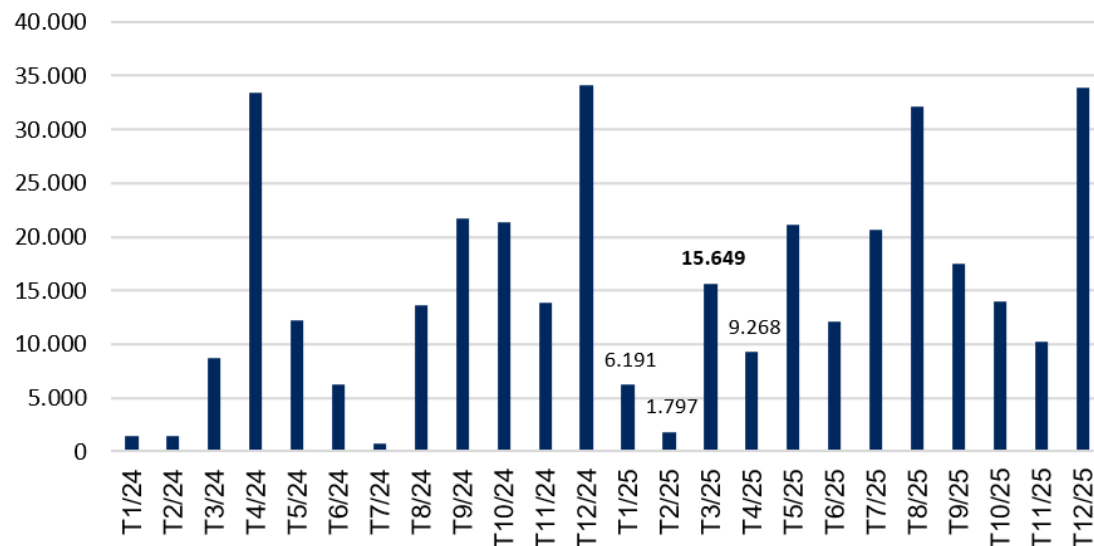


- Theo số liệu được công bố đến ngày 01/03/25, không có đợt phát hành TPDNRL nào trong 2 tháng đầu năm 2025, trong khi thời điểm cùng kỳ năm 2024 có 7 đợt phát hành TPDNRL với tổng giá trị phát hành là 4.315 tỷ đồng. Do đặc thù nhu cầu sử dụng vốn của các doanh nghiệp thời điểm đầu năm thường ở mức thấp nên hoạt động phát hành TPDN có xu hướng trầm lắng trong những tháng đầu năm.
- Tổng giá trị TPDNRL được mua trong 2 tháng đầu năm lại đạt gần 16 nghìn tỷ đồng, giảm mạnh so với T12/24, tuy nhiên vẫn cao hơn 16,2% svck. Đáng chú ý, Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova đã mua lại trước hạn hơn 5,1 nghìn tỷ đồng TPDNRL trong T1/25, đây là các TP được Tập đoàn này phát hành năm 2020 và đều đã được gia hạn thêm kỳ hạn thêm 2 năm, có thời gian đáo hạn là từ T6/25-T8/25.

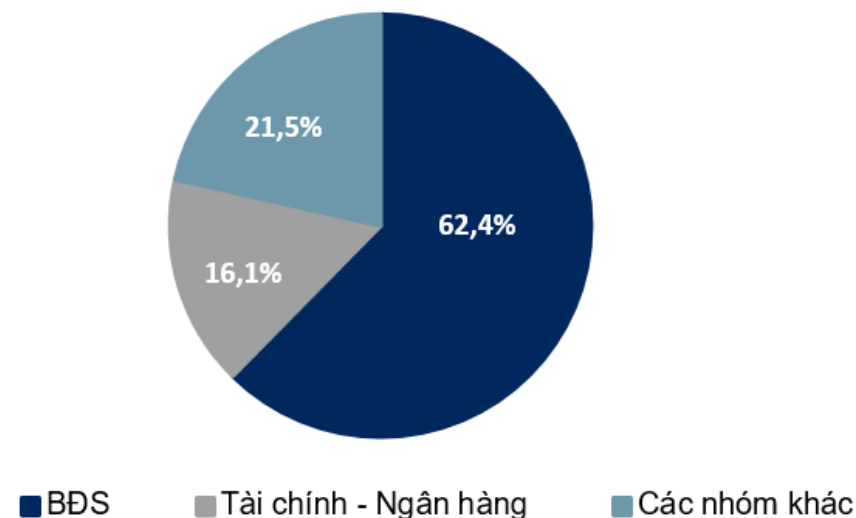
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực TPDN đáo hạn sẽ bắt đầu gia tăng trở lại trong tháng 3

Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 01/03/25



Ước tính cơ cấu TPDN đáo hạn theo ngành năm 2025 (thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn đến ngày 01/03/2025)



- Theo số liệu của chúng tôi trong T3/25 sẽ có khoảng hơn 15,6 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, tăng đáng kể so với 2 tháng đầu năm.
- Tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2025 ước khoảng hơn 194 nghìn tỷ đồng (đã loại trừ số TP đã được mua lại trước hạn và số TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 01/03/25). Trong số nhóm BĐS là nhóm có giá trị đáo hạn lớn nhất với tổng giá trị đáo hạn là hơn 121 nghìn tỷ đồng, chiếm 62,4% tổng giá trị đáo hạn năm 2025. Đứng thứ 2 là nhóm Ngân hàng, với tổng giá trị đáo hạn là hơn 31 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,1% tổng giá trị đáo hạn năm 2025.

3.3 Thị trường Bất động sản

Cần lập 'quỹ nhà ở quốc gia' để phát triển nhà giá rẻ

Tổng Bí thư nhắc tới việc lập "Quỹ nhà ở quốc gia" để phát triển nhà giá rẻ tại đô thị lớn, là giải pháp để thúc đẩy đô thị trở thành động lực tăng trưởng quốc gia:

Tổng Bí thư Tô Lâm nhắc đề cập giải pháp để thúc đẩy kinh tế là nhà điều hành cần có chính sách đất đai, bất động sản để giúp thị trường tăng giao dịch, thu hút vốn, thúc đẩy đô thị trở thành động lực tăng trưởng của quốc gia.

Đồng thời đề cập việc thành lập "Quỹ nhà ở quốc gia" nhằm phát triển nhà giá rẻ tại các đô thị lớn. Cùng với đó, nhà điều hành cần tính tới các giải pháp khác như hoàn thiện cơ sở hạ tầng chất lượng cao và đồng bộ cho đô thị, xây dựng hệ thống bản đồ số quốc gia về quy hoạch và giá đất.

Việt Nam đặt mục tiêu có 1 triệu căn nhà ở xã hội vào 2030. Từ 2021-2024, theo số liệu của Bộ Xây dựng, cả nước có 644 dự án nhà ở xã hội được triển khai với quy mô 580.109 căn. Trong đó, chỉ có 96 dự án được hoàn thành với quy mô hơn 57.620 căn. 133 dự án đã khởi công với trên 110.200 căn. Còn lại 415 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư sẽ cung cấp thêm hơn 412.200 căn nếu xây xong.

Năm trước, tại Chỉ thị 34 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới, Ban Bí thư chỉ thị nghiên cứu hình thành quỹ phát triển nhà ở xã hội hoặc mô hình định chế tài chính phù hợp để phát triển nhà ở xã hội dài hạn, bền vững.

3.4 Thị trường hàng hóa

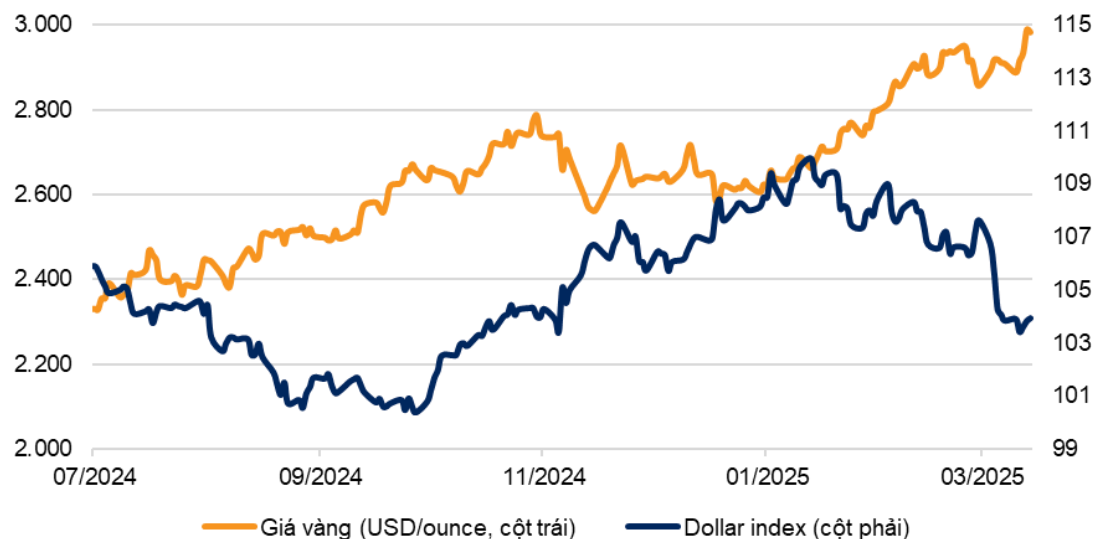
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 14/03/2025):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2025	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	0,31%	-5,57%	-17,37%	-7,05%	
	Khí LNG	1,62%	-7,66%	57,74%	-12,44%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	-2,42%	-1,95%	-23,38%	-19,14%	
	Quặng sắt	2,44%	-2,85%	-4,56%	2,34%	
	Đồng	3,98%	4,39%	20,62%	20,95%	
	Niken	-0,38%	6,49%	-9,05%	9,28%	
	PVC	0,64%	-0,43%	-12,97%	-0,82%	
	Cao su	-3,24%	-9,98%	-2,27%	-10,92%	
	Gỗ	0,62%	5,90%	16,40%	19,52%	
Nông nghiệp	Urê	-0,62%	3,36%	9,59%	8,40%	
	Lúa Mỹ	2,25%	-9,04%	5,05%	0,00%	
	Gạo tám 5%	-0,12%	-4,01%	-34,82%	-22,34%	
	Đường	4,81%	-6,02%	-11,85%	-2,74%	
	Thịt lợn	-0,89%	9,44%	34,66%	15,63%	
Kim loại quý	Vàng thời	2,58%	3,53%	38,02%	12,28%	

3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng tăng lên đỉnh lịch sử khi các NHTW mua ròng và kỳ vọng FED sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất

Tính đến ngày 14/03, giá vàng thế giới đạt 2.983 USD/oz, tăng 2,6% sv tuần trước và 3,5% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 94,3-95,8 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua-bán, lần lượt tăng 3,7%/3,1% sv tuần trước

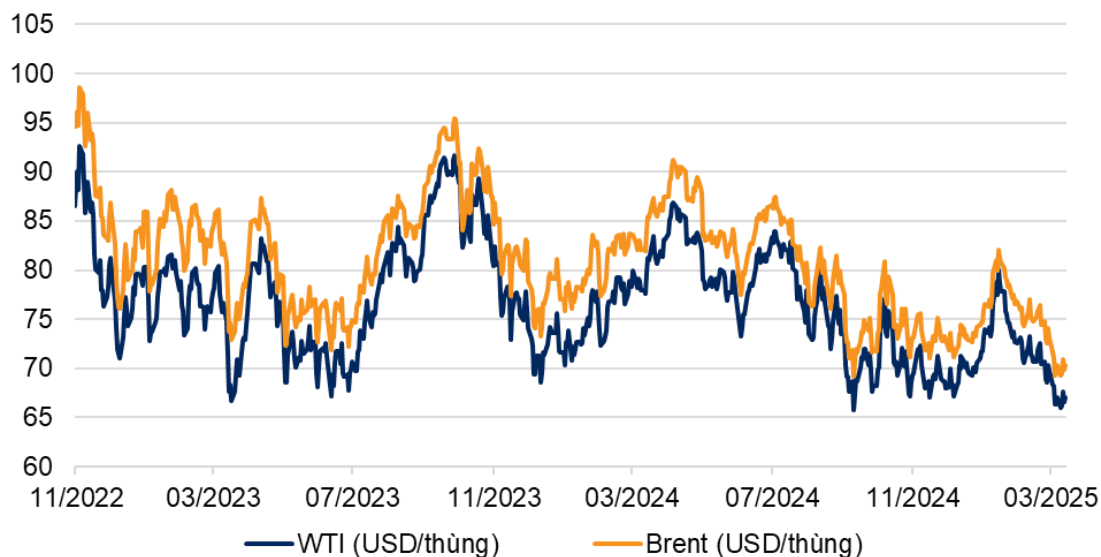


- Giá vàng thế giới thiết lập mức đỉnh lịch sử trong tuần qua, nhờ nhu cầu mạnh mẽ từ các NHTW, trong đó Trung Quốc tiếp tục mua ròng trong tháng thứ tư liên tiếp. Dữ liệu kinh tế tại Mỹ tháng 2 cho thấy lạm phát đang hạ nhiệt, qua đó FED có dư địa để sớm cắt giảm lãi suất, cũng góp phần thúc đẩy đà tăng giá vàng. Tuy nhiên, ảnh hưởng của các cuộc chiến thương mại (gây ra bởi hàng rào thuế quan) khi phản ánh vào nền kinh tế thực có thể khiến lạm phát tăng trở lại. Trump đã cảnh báo về mức thuế 200% đối với rượu vang châu Âu và các loại đồ uống có cồn khác sau khi EU áp thuế 50% đối với rượu whisky xuất khẩu của Mỹ.
- Trong nước, giá vàng miếng cũng duy trì đà tăng tích cực. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 14/03 ở mức 4,1 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND = 25.500).

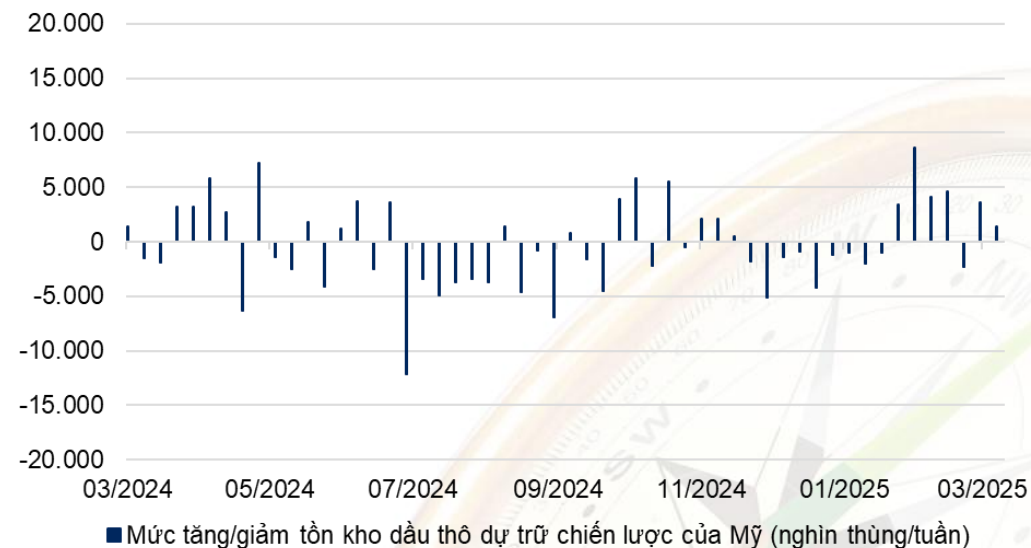
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô tăng nhẹ trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị giữa Nga – Ukraine gia tăng trở lại

Tính đến ngày 14/03, giá dầu thô WTI và Brent lần lượt đạt 67,2 và 70,6 USD/thùng, tăng 0,2% và 0,3% sv tuần trước



Tồn kho dầu thô tại Mỹ tăng ròng 1,5 triệu thùng vào tuần đầu tháng 3



- Giá dầu thô quay đầu tăng nhẹ trong tuần qua, khi bất ổn địa chính trị giữa Nga-Ukraine gia tăng, đe dọa gây ra những gián đoạn nhất định về nguồn cung. Bên cạnh đó, thị trường Mỹ đã ghi nhận đà tăng ròng hàng tồn kho dầu thô tuần thứ hai liên tiếp do gia tăng hoạt động của các nhà máy lọc dầu, điều này có thể phản ánh rằng các nhà sản xuất đang kỳ vọng thị trường sẽ tiêu thụ các sản phẩm từ dầu thô sẽ tốt lên trong thời gian tới.
- Mặt khác, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã cảnh báo về tình trạng dư cung ngày càng tăng, khi cuộc chiến thương mại leo thang làm nhu cầu yếu đi, trong khi OPEC+ sẽ tăng sản lượng từ tháng 4. IEA dự báo nguồn cung toàn cầu sẽ vượt cầu 600.000 thùng mỗi ngày trong năm nay, với nhu cầu dự kiến chỉ tăng 1,03 triệu thùng mỗi ngày, thấp hơn 70.000 thùng mỗi ngày so với dự báo của tháng trước.

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2025	1 năm
Dow Jones	Mỹ	-3,07%	-6,86%	-2,48%	7,16%
S&P 500	Mỹ	-2,27%	-7,78%	-4,13%	10,20%
Nasdaq	Mỹ	-2,43%	-11,35%	-8,06%	11,15%
Euro Stoxx 50	EU	-1,05%	-1,50%	10,52%	8,53%
FTSE 100	Anh	-0,55%	-1,15%	5,62%	11,71%
Nikkei 225	Nhật Bản	0,45%	-5,35%	-7,12%	-4,27%
Shanghai	Trung Quốc	1,39%	2,18%	2,02%	11,95%
Hang Seng	Trung Quốc	-1,12%	5,92%	19,44%	43,29%
Taiwan Weighted	Đài Loan	-2,72%	-5,14%	-4,66%	11,58%
SET	Thái Lan	-2,35%	-7,73%	-16,17%	-15,32%
KOSPI	Hàn Quốc	0,11%	-0,95%	6,95%	-3,77%
Malaysia Top 100	Malaysia	-2,00%	-6,30%	-9,75%	-1,21%
STI Index	Singapore	-2,00%	-1,07%	1,28%	20,90%
IDX Composite	Indonesia	-1,81%	-1,85%	-7,97%	-11,09%
PHS All Shares	Philippine	-0,07%	2,54%	-0,72%	4,53%
VN-Index	Việt Nam	0,01%	3,92%	4,69%	4,94%

Mặc dù có 1 phiên phục hồi khá mạnh vào ngày thứ Sáu, tuy nhiên thị trường chứng khoán Mỹ vẫn ghi nhận tuần giảm điểm thứ 2 liên tiếp. Các nhà đầu tư ở phố Wall tiếp tục gia tăng bán cổ phiếu khi chính sách thuế quan của ông Trump liên tục biến động khó lường làm gia tăng sự bất bình và lo ngại về triển vọng của nền kinh tế Mỹ. Kết tuần cả ba chỉ số chính đều giảm trong đó chỉ số Dow Jones giảm hơn 3%, trong khi chỉ số S&P 500 và chỉ số Nasdaq đều giảm hơn 2%.

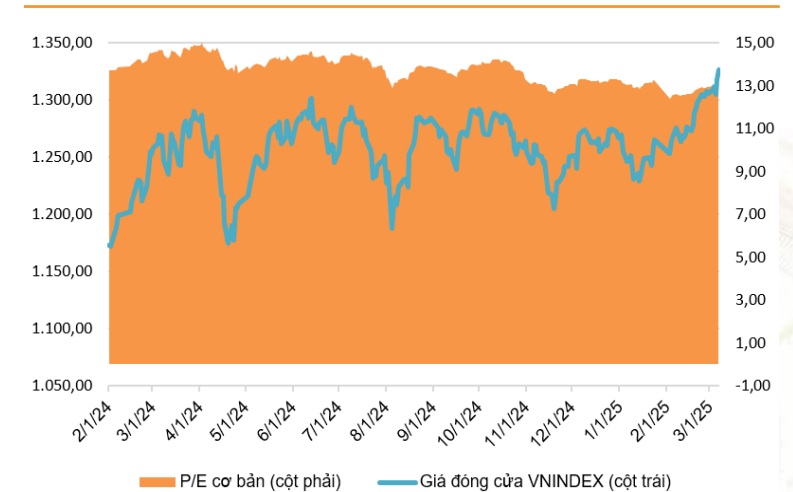
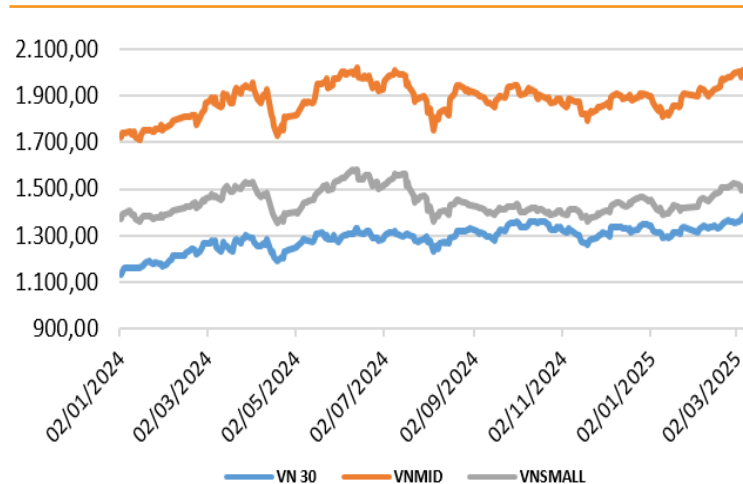
Nhiều thị trường chứng khoán Châu Á khác cũng ghi nhận 1 tuần điều chỉnh như thị trường Đài Loan, Thái Lan, Indonesia...

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường đi ngang với thanh khoản tiếp tục gia tăng

VN-Index có sự chững lại, kết tuần tại mức 1.326,15 điểm, tăng 0,01% sv tuần trước.

Các chỉ số VN30/VNMID/ VNSML đều giảm với mức giảm lần lượt là 0,2%/2,18%/1,79%.

P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 13,1x.



- Với 3 phiên tăng điểm và 2 phiên điều chỉnh, VN-Index có tuần đi ngang sau 7 tuần tăng điểm liên tiếp trước đó. Kết tuần VN-index tăng 0,1 điểm (+0,01%) lên 1.326,15 điểm. Thanh khoản giao dịch tiếp tục gia tăng, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 841,2 triệu cp/phiên, tăng 3% so với tuần trước và cao hơn 23,6% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại duy trì bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 1.704 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán cũng duy trì bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 210 tỷ đồng.
- Các mã VIC và VCB là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 6,32 điểm và 4,78 điểm. Ở chiều ngược lại FPT và BID là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo chỉ số giảm lần lượt 3,53 điểm và 1,26 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm 2025 (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	-0,3%	6,5%	1,4%	30,6	3,15	3,3%
Bảo hiểm	0,0%	0,0%	0,0%	15,6	1,58	0,0%
Bất động sản	7,3%	17,2%	16,3%	17,6	1,36	22,9%
Công nghệ TT	-6,9%	-8,9%	-13,0%	24,5	4,83	64,5%
Dầu khí	-3,6%	-4,0%	0,4%	25,1	1,28	-1,2%
Dịch vụ tài chính	0,2%	8,7%	9,0%	18,9	1,50	-8,3%
Hóa chất	-2,0%	4,5%	5,4%	20,6	1,97	3,6%
Ngân hàng	0,2%	3,4%	7,6%	10,0	1,57	2,5%
Tài nguyên cơ bản	-0,2%	1,5%	18,7%	22,1	1,56	-9,0%
Thực phẩm & Đồ uống	-0,4%	0,7%	-3,8%	18,79	2,90	5,0%
Viễn thông	-6,2%	-7,0%	-12,1%	33,4	6,17	13,2%
Xây dựng & Vật liệu	-2,5%	0,4%	4,2%	19,8	1,49	15,7%
VN-Index	0,01%	3,92%	4,69%	13,14	1,71	3,0%

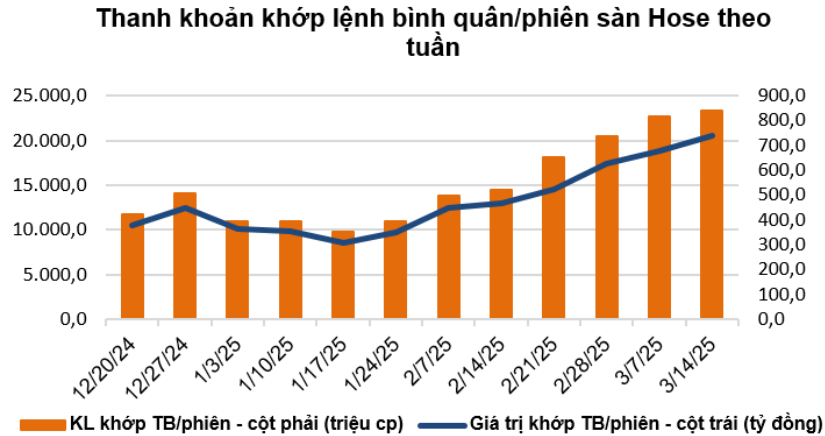
Áp lực chốt lời ở vùng giá cao khiến thị trường có sự rung lắc và phân hóa.

Nhóm Bất động sản có sự phân hóa mạnh, trong đó nhóm cổ phiếu Vingroup tăng mạnh và đóng góp nhiều điểm số cho thị trường trong tuần qua với VIC (+15,2%), VHM (+6,5%), VRE (+3%), trong khi nhiều cổ phiếu của nhóm này có sự điều chỉnh mạnh như SJS (-7,3%), BCG (-6,7%), NTL (-4,8%), KDH (-4,2%)... Nhóm Ngân hàng cũng có diễn biến phân hóa khi VCB (+3,7%) tăng sau ngày giao dịch chốt quyền chia thưởng cổ phiếu, VPB (+1,8%), NAB (+3,2%) trong khi EIB (-6,9%), VIB (-2,8%), ACB (-2,6%)...

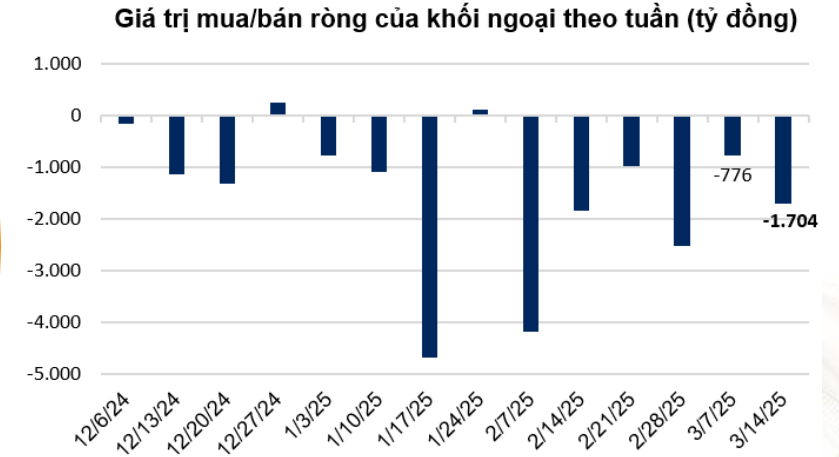
Nhóm CNTT giảm mạnh với FPT (-7%), CMG (-6,4%)...

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản tiếp tục gia tăng và khối ngoại duy trì bán ròng

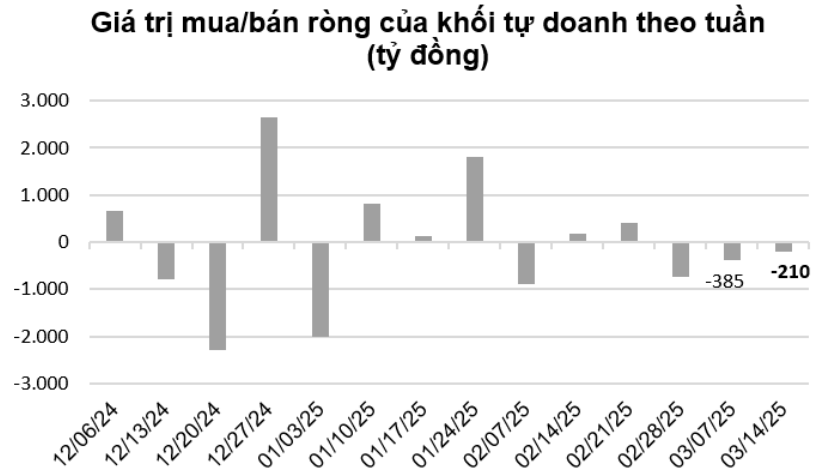
Thanh khoản tiếp tục gia tăng, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 841,2 triệu cp/phần, tăng 3% sv tuần trước và cao hơn 23,6% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



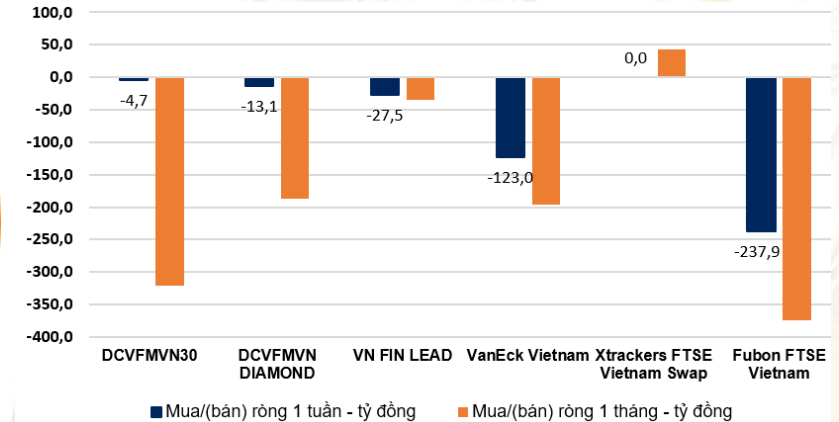
Khối ngoại duy trì bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là 1.704 tỷ đồng.



Khối tự doanh duy trì bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua là 210 tỷ đồng

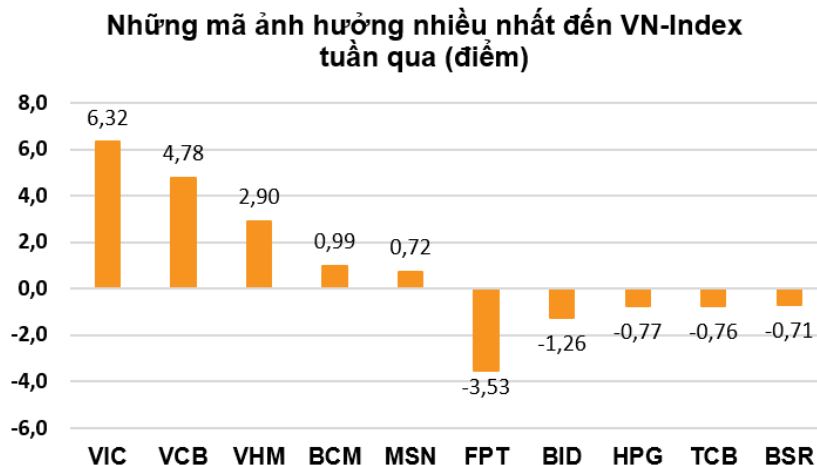


Một số quỹ ETF duy trì bán ròng nhẹ trong tuần qua. Trong đó quỹ Fubon FTSE bán ròng nhiều nhất với giá trị bán ròng là 237,9 tỷ đồng.



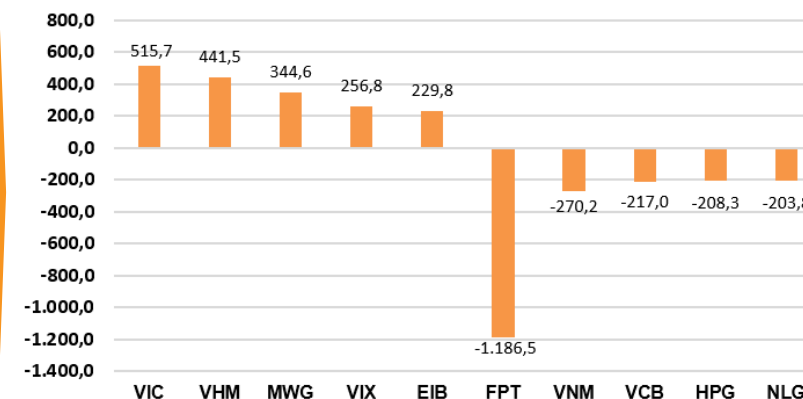
3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản tiếp tục gia tăng và khối ngoại duy trì bán ròng

Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex - điểm)

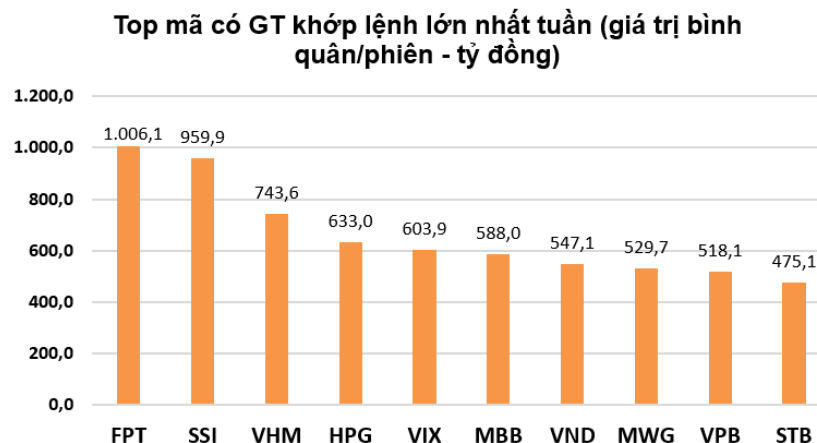


Trong tuần từ 10/03-14/03/2025 VIC là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị hơn 515 tỷ đồng. Trong khi FPT là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 1.186 tỷ đồng.

Top mã Khối ngoại mua/bán ròng trong tuần (tỷ đồng)

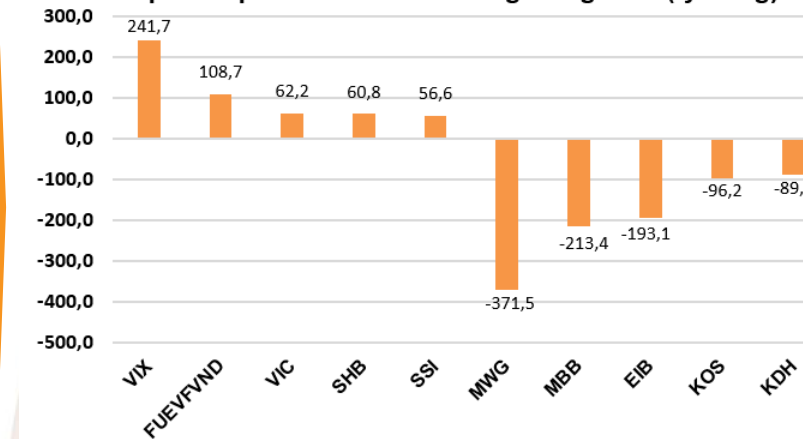


FPT là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp lệnh trung bình là hơn 1.006 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã SSI và VHM với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 959 tỷ đồng và hơn 743 tỷ đồng



Trong tuần từ 10/03-14/03/2025 VIX là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 241 tỷ đồng, trong khi MWG là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 371 tỷ đồng.

Top mã Tự doanh mua/bán ròng trong tuần (tỷ đồng)



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	POW	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	-0,8%	-0,8%	14.900	24,2%
2	PC1	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	-3,4%	-3,6%	27.100	18,9%
3	BMP	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	-4,0%	-5,5%	140.000	17,6%
4	VCB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-30,6%	-24,6%	111.800	69,4%
5	HDB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,9%	9,7%	34.900	50,4%
6	MWG	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,6%	-5,1%	72.100	17,2%
7	FPT	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-7,1%	-9,4%	196.600	49,6%
8	ACV	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,3%	-16,4%	133.500	32,1%
9	BCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	5,3%	9,7%	82.800	4,8%
10	IDC	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,9%	1,9%	62.700	15,5%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
11	HAH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-5,6%	-3,1%	55.900	16,6%
12	GMD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-5,5%	-3,2%	73.700	26,9%
13	KDH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-4,2%	-5,9%	41.300	28,5%
14	PVD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-2,7%	2,9%	30.900	34,1%
15	PLX	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,4%	4,2%	46.100	11,4%
16	DCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,8%	1,0%	42.700	25,8%
17	HPG	08/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	-1,8%	9,0%	41.000	48,8%
18	KBC	05/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	-3,0%	-0,4%	40.000	36,1%
19	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-1,0%	-5,3%	82.600	33,0%
20	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-2,6%	4,3%	65.100	32,8%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
21	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	-0,5%	-6,5%	34.000	81,8%
22	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	6,6%	21,9%	66.400	38,6%
23	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-6,9%	-10,5%	114.400	30,9%
24	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	1,8%	3,1%	23.700	20,9%
25	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-1,9%	-17,1%	95.100	30,1%
26	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	0,0%	-11,8%	35.700	28,9%
27	NLG	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	-0,4%	-20,4%	45.800	36,9%
28	STB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	-2,3%	11,5%	41.500	6,8%
29	TPB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	-1,5%	-2,7%	21.000	30,4%
30	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	-1,6%	-2,3%	19.500	56,0%

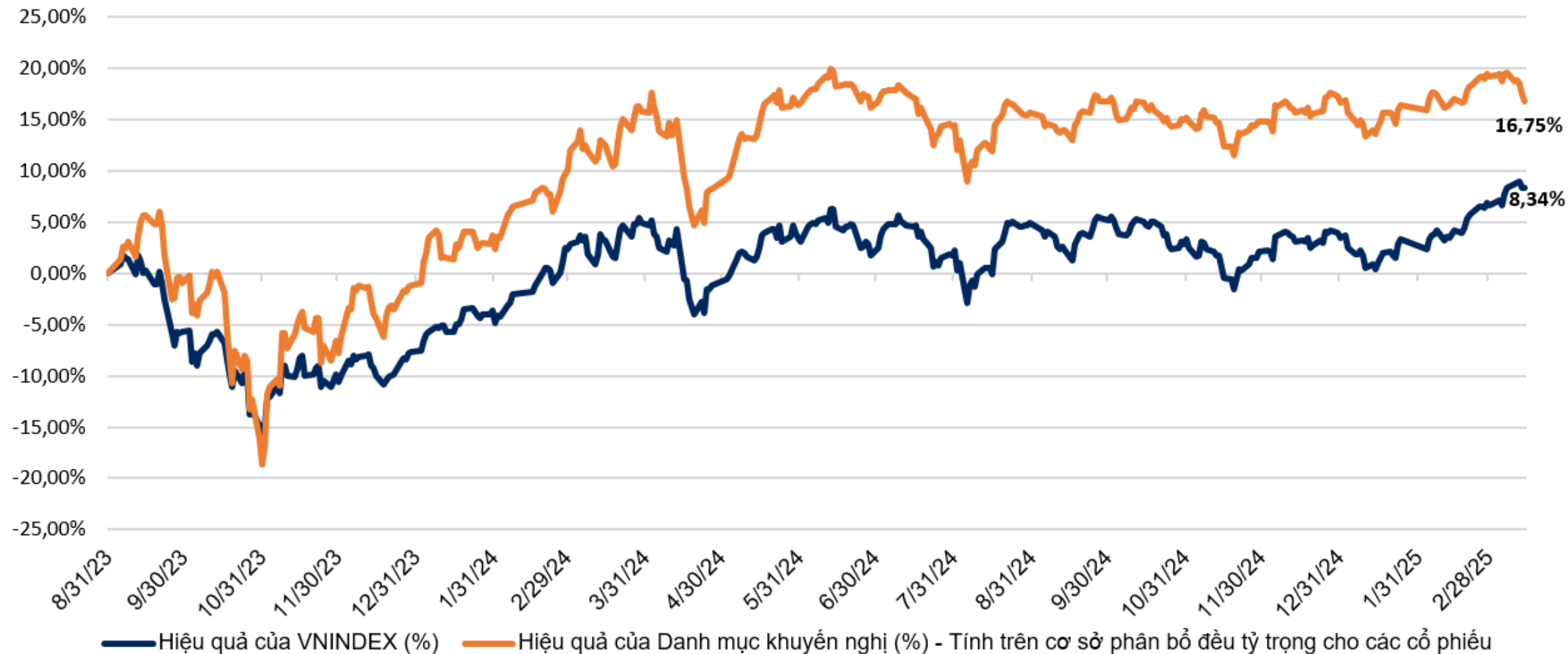
Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
2	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
3	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
4	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
5	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
6	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
7	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
8	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
9	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
10	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024
11	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
12	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
13	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024
14	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	47.100	15/07/2024
15	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Hoạt động thương mại phục hồi	48.000	14/11/2024
16	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	26.800	18/12/2024
17	CTD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		78.900	05/02/2025
18	CTG	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24		39.900	07/02/2025
19	PHR	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24		61.200	20/02/2025
20	BAF	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		32.000	24/02/2025
21	VIB	05/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024		21.2000	05/03/2025
22	MBB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		24.700	07/03/2025

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH
Email: research@vndirect.com.vn

